

0.a. Goal

Mục tiêu 6: Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người

0.b. Target

Mục tiêu 6.3: Đến năm 2030, cải thiện chất lượng nước, kiểm soát được các nguồn gây ô nhiễm; chấm dứt việc sử dụng các loại hóa chất độc hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học; 100% nước thải nguy hại được xử lý; giảm một nửa tỷ lệ nước thải đô thị chưa qua xử lý; tăng cường tái sử dụng nước an toàn (mục tiêu 6.3 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 6.3.1. Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Bộ Xây dựng

1.f. Contact mail

Số 37 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

1.g. Contact email

boxaydung@moc.gov.vn

2.a. Definition and concepts

- Nước thải là nước đã qua sử dụng và được xả thải ra môi trường xung quanh. Xử lý nước thải là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật làm giảm, loại bỏ, tiêu hủy các thành phần có hại trong nước thải, đảm bảo nước thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

- Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định là tỷ lệ phần trăm nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định trên 80% tổng công suất cấp nước sạch tại địa phương.

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

3.a. Data sources

Chế độ báo cáo thống kê do Bộ Xây dựng ban hành.

3.b. Data collection method

Định kỳ, Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi thu thập số liệu theo biểu mẫu báo cáo thống kê do Bộ Xây dựng ban hành. Bộ Xây dựng tổng hợp số liệu từ các Sở và tính toán chỉ tiêu.

3.d. Data release calendar

Năm

3.e. Data providers

Bộ Xây dựng

3.f. Data compilers

Bộ Xây dựng

4.a. Rationale

Chỉ tiêu nhằm đánh giá mức xử lý nước thải đô thị, là cơ sở để đánh giá công tác bảo vệ môi trường.

4.c. Method of computation

Method of computation

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định (\%)} = \frac{\text{Tổng công suất khai thác xử lý nước thải đô thị}}{\text{Tổng công suất khai thác của nhà máy nước} \times 80\%} \times 100$$

5. Data availability and disaggregation

Chỉ có số liệu chung của năm 2020

(Nguồn công bố: Cục Hạ tầng kỹ thuật, Bộ Xây dựng)

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu này là phản ánh 1 phần chỉ tiêu SDG toàn cầu “6.3.1: Proportion of wastewater safely treated”. Cấp toàn cầu tính tỷ lệ nước thải phát sinh từ các hộ gia đình (nước thải và phân bùn), cũng như các hoạt động kinh tế (dựa trên các phân loại ISIC) được xử lý an toàn so với tổng lượng nước thải phát sinh từ các hộ gia đình và các hoạt động kinh tế. Trong phạm vi chỉ tiêu này, Việt Nam cũng tính tỷ lệ nước thải phát sinh từ các hộ gia đình (nước thải và phân bùn), cũng như các hoạt động kinh tế tuy nhiên phạm vi tính của Việt Nam chỉ áp dụng với nước thải khu vực đô thị, chưa áp dụng với khu vực nông thôn.

7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 8/8/2018 quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Xây dựng;
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>